

# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN VẬT LIỆU

## 1. DANH TÍNH CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

**TÊN SẢN PHẨM :** AP SUPER DIESELUBE CF

**CẤP ĐỘ NHỚT SAE:** 15W-40

**CÔNG DỤNG :** Dầu động cơ diesel tải nặng.

**HẠN CHẾ SỬ DỤNG :** Sản phẩm không được khuyến nghị sử dụng cho mục đích khác nếu không được sự khuyến nghị của chuyên gia.

**DANH TÍNH CÔNG TY :** CÔNG TY CỔ PHẦN AP SAIGON PETRO

Lầu 1, 6B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38224848 Fax: (028) 38243959

E-mail: info@apsaigonpetro.com.vn

**ĐƯỜNG DÂY NÓNG :** 1900 0104 (Hỗ trợ kỹ thuật)  
114 (Cứu hỏa)  
115 (Cứu thương)

## 2. THÀNH PHẦN GÂY HẠI

**PHÂN LOẠI NGUY HẠI:** Ăn mòn/ kích ứng da – Loại 3  
Tổn thương/ kích ứng mắt nghiêm trọng – Loại 1.

**TỪ CẢNH BÁO:** Nguy hiểm.



**HÌNH CẢNH BÁO:**

**TUYÊN BỐ GÂY HẠI:** H316: Gây kích ứng da nhẹ.

H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

**BÁO CÁO PHÒNG NGỪA:**

**Phòng ngừa:** P280: Mang găng tay bảo vệ/ thiết bị bảo vệ mắt/ thiết bị bảo vệ mặt.

**Phản hồi:** P305 + P351 + P338: **NEU TIẾP XÚC VỚI MẮT:** Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng (nếu có). Tiếp tục rửa với nước.

P310: Gọi ngay cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ.**

P332 + P313: Nếu xảy ra kích ứng da: Gọi trợ giúp y tế.

**CÁC NGUY HẠI KHÁC KHÔNG ĐƯỢC DẪN CHỨNG TRONG PHÂN LOẠI:** Tiếp xúc với vật liệu nóng có thể gây bỏng nhiệt. Nếu để sản phẩm bị đun quá nóng khi có nước, hydrogen sulphide có thể được giải phóng, gây suy hô hấp nhanh chóng, hôn mê và thậm chí tử vong mà không có bất kỳ mùi cảnh báo.

## 3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO

**TÊN HÓA HỌC VÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA:** Dầu khoáng xử lý sâu và phụ gia.

**THÀNH PHẦN GÂY HẠI :** Sản phẩm có chứa thành phần hoặc các hợp chất có hại.

Tên thành phần	CAS No	Nồng độ (%w/w)	Phân loại GHS
Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis (sec-Bu và isoctyl) esters, muối kẽm	113706-15-3	<1.0	Ăn mòn/ kích ứng da. 2; H315 Tổn thương/ kích ứng mắt. 1; H318 Gây độc thủy sinh 2; H411

#### 4. PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU BAN ĐẦU

**SỰ HÍT PHẢI:** Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ khi nạn nhân cảm thấy bất ổn. Không được sử dụng phương pháp hồi sức bằng miệng nếu nghi ngờ có sự tiếp xúc với hydroaogen sulfide.

**TIẾP XÚC DA:** Nếu xảy ra kích ứng, gọi sự trợ giúp y tế.

**TIẾP XÚC MẮT:** Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng (nếu có). Tiếp tục rửa với nước. Nếu xảy ra kích ứng, gọi sự trợ giúp y tế.

**SỰ NUỐT PHẢI:** Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu nạn nhân cảm thấy bất ổn.

#### 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

##### PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY :

- Thích hợp : Tia nước, bọt, bột khô hoặc cacbon dioxit.
- Không thích hợp : Súng phun nước, vòi phun nước.

##### CHỮA CHÁY :

- **Hướng dẫn chữa cháy:** Sử dụng nước làm loãng, ngăn chặn kiểm soát không cho lửa bùng phát trở lại. Người làm công tác chữa cháy cần trang bị đầy đủ thiết bị bảo vệ và phải có thiết bị trợ thở đặc biệt. Sử dụng tia nước để làm mát bề mặt tiếp xúc với lửa và bảo vệ người làm nhiệm vụ.
- **Sản phẩm đốt cháy nguy hiểm:** khói, aldehydes, oxit cacbon và các sản phẩm đốt cháy không hoàn toàn.

#### 6. BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ RỦI RO

Trong trường hợp xảy ra sự cố gây tràn, thông báo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

##### BIỆN PHÁP BẢO VỆ :

- Tránh tiếp xúc với vật liệu bị đổ, tràn ra ngoài.
- Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ.
- Các biện pháp bảo vệ bổ sung cần thiết, tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và/hoặc theo đánh giá của chuyên gia (tham khảo mục 8).

##### XỬ LÝ TRÀN DẦU :

- **Tràn ra đất:** Bịt ngay chỗ rò rỉ nếu không có những mối nguy hại. Phục hồi bằng cách bơm hoặc thấm dầu phù hợp.
- **Tràn ra nước:** Bịt ngay chỗ rò rỉ nếu không có những mối nguy hại. Dùng cần tang áp để hạn chế tràn ngay lập tức. Cảnh báo cho những tàu khác. Thông báo cho cảng hoặc cơ quan có liên quan và giữa khoảng cách xa với mọi người. Loại bỏ dầu khỏi bề mặt bằng cách vớt bọt hoặc bằng các chất hấp thụ thích hợp. Tìm hiểu ý kiến của chuyên gia trước khi sử dụng chất phân tán.

Sự cố tràn ra đất và nước được cảnh báo dựa trên những sự cố tràn tương tự dành cho nguyên liệu này. Tuy nhiên, các điều kiện tự nhiên như gió, nhiệt độ, sóng cũng sẽ là nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình xử lý. Vì lý do này, nên tham khảo các chuyên gia ứng phó sự cố để đưa ra giải pháp thích hợp.

##### THẬN TRỌNG VỚI MÔI TRƯỜNG:

- **Tràn với lượng nhỏ chất lỏng:** Thấm dầu bằng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy, cho vào thùng chứa và xử lý sau.
- **Tràn với lượng lớn chất lỏng:** Cách ly chất lỏng để xử lý. Không cho nguồn chất lỏng thấm vào nguồn nước hay tràn ra hệ thống cống, tầng ngầm hoặc các khu vực kín khí khác.

#### 7. VẬN CHUYỂN VÀ LƯU TRỮ

**VẬN CHUYỂN:** Mang găng tay bảo hộ. Tránh thải bỏ ra ngoài môi trường. Sản phẩm này có chứa zinc dialkyl dithiophosphate (ZDDP). Sản phẩm nhạy cảm với nhiệt độ, không được đun nóng vượt quá nhiệt độ cho phép.

**LƯU TRỮ:** Bảo quản theo đúng quy định và luật pháp và yêu cầu của nguyên vật liệu

## 8. BẢO VỆ CÁ NHÂN/KIỂM SOÁT TÌNH TRẠNG NGUY HIỂM

### GIỚI HẠN TIẾP XÚC:

	ACGIH TLV/TWA	ACGIH STEL	OSHA PEL
Sương dầu, dầu khoáng	5 mg/m <sup>3</sup>	10 mg/m <sup>3</sup>	5 mg/m <sup>3</sup>

**KIỂM SOÁT CÔNG NGHỆ:** Không có yêu cầu đặc biệt ở điều kiện sử dụng thông thường và hệ thống thông gió đầy đủ.

**BẢO VỆ CÁ NHÂN :** Thiết bị bảo vệ cá nhân được chọn dựa trên điều kiện sử dụng như: mức độ gây hại của sản phẩm, nơi làm việc và cách thức vận chuyển sản phẩm.

• **Bảo vệ mắt:** Nếu có khả năng tiếp xúc, nên sử dụng kính bảo hộ có tấm chắn bên.

• **Bảo vệ da và cơ thể:**

Bảo vệ da: Khuyến cáo mặc áo tay dài. Giặt sạch quần áo bị bẩn trước khi sử dụng lại.

Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay nitrile hoặc neoprene.

• **Bảo vệ đường hô hấp:** Không có yêu cầu đặc biệt trong điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường. Khuyến nghị sử dụng mặt nạ phòng độc với hơi hữu cơ kết hợp cùng với hộp lọc hiệu quả cao chỉ khi vượt quá giới hạn phơi nhiễm. Sử dụng thiết bị thở độc lập để vào các khu vực hạn chế, thông gió kém và các vị trí làm sạch xử lý sự cố tràn.

• **Biện pháp vệ sinh đặc biệt:** Luôn luôn giám sát việc bảo vệ cá nhân ở tình trạng tốt chẳng hạn như rửa tay sau khi tiếp xúc với nguyên liệu, trước khi ăn, uống hoặc hút thuốc. Luôn giặt quần áo bảo hộ và các dụng cụ bảo hộ để khử tạp chất, chất bẩn. Thái bỏ các quần áo bị nhiễm bẩn và giày bảo hộ không thể giặt sạch được. Giữ cho kho, xưởng luôn sạch sẽ.

## 9. TÍNH CHẤT LÝ HÓA

TRẠNG THÁI VẬT LÝ:	Chất lỏng dầu
MÀU:	Max 4.5
MÙI :	Theo thị trường
NGUỒN MÙI :	N/D
PH:	N/A
ĐIỂM RÓT CHÁY/ĐIỂM ĐÓNG BĂNG:	N/D
ĐIỂM ĐÔNG:	N/D
ĐIỂM/ KHOẢNG SÔI:	N/D
ĐIỂM CHÓP CHÁY (PHƯƠNG PHÁP) :	Min. 200°C (392°F) [ASTM D92]
TỐC ĐỘ HÓA HƠI:	< 0.01
TÍNH DỄ CHÁY:	N/D
GIỚI HẠN DỄ CHÁY (% thể tích trong không khí) :	N/D
ÁP LỰC HƠI:	N/D
MẬT ĐỘ HƠI (không khí =1):	N/D
TRỌNG LƯỢNG RIÊNG (nước=1.0):	Khoảng 0.90 ở 15°C
ĐỘ TAN TRONG NƯỚC :	Không đáng kể
HỆ SỐ PHÂN TÁCH (n-octanol/nước):	N/D
NHIỆT ĐỘ TỰ KÍCH CHÁY:	N/D
NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY:	N/D

## 10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

**KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG:** Sản phẩm này được ghi nhận không gây ra bất kỳ phản ứng độc hại nào.

**ĐỘ ỔN ĐỊNH HÓA HỌC:** Sản phẩm ổn định ở điều kiện thông thường.

**KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG ĐỘC HẠI:** Không xảy ra các phản ứng độc hại.

**ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH :** Nhiệt độ cao.

**VẬT LIỆU KHÔNG TƯƠNG THÍCH:** Tác nhân oxy hóa mạnh, nước.

**SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY HẠI :** Sản phẩm này không phân hủy ở nhiệt độ thường.

## 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

**ĐỘC CẤP TÍNH:** Không có dữ liệu độc tính trên sản phẩm. Xem xét nồng độ riêng của từng thành phần để đánh giá ảnh hưởng của độc tính dẫn đến từ việc tiếp xúc với hỗn hợp.

**Thông tin độc tính trong thành phần của hỗn hợp:**

Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis (sec-Bu and isooctyl)esters, muối kẽm	Acute oral/rat LD <sub>50</sub> : 2600 mg/kg Acute dermal/rabbit LD <sub>50</sub> > 3160 mg/kg
---	---

**ĂN MÒN/ KÍCH ỨNG DA:** Tránh tiếp xúc trực tiếp. Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây kích ứng. Dựa trên dữ liệu của thành phần hoặc các chất tương đương.

**TỒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT:** Hơi có thể gây tổn thương/ kích ứng mắt. Sự đánh giá dựa trên dữ liệu của thành phần hoặc các chất tương đương.

**MẮN CẢM VỚI DA/ HỆ HÔ HẤP:** Không có dữ liệu.

**KHẢ NĂNG GÂY ĐỘT BIẾN TẾ BÀO:** Không có dữ liệu.

**KHẢ NĂNG GÂY UNG THƯ:** Không có dữ liệu.

**ĐỘC TÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH SẢN:** Không có dữ liệu.

**KHUYẾT TẬT BẨM SINH:** Không có dữ liệu.

**ĐỘC TÍNH HỮU CƠ (PHÁT THÁI 1 LẦN):** Không có dữ liệu.

**ĐỘC TÍNH HỮU CƠ (PHÁT THÁI NHIỀU LẦN):** Không có dữ liệu.

**NGUY HẠI KHI HÍT PHẢI:** Không có dữ liệu.

## 12. THÔNG TIN SINH THÁI

**ĐỘC TÍNH:** Không có dữ liệu.

Danh mục các thành phần có đặc tính sinh thái độc hại			
Số lượng	Thành phần	CAS No	Thông tin độc sinh thái
<1.0%	Phosphorodithioic acid, mixed O,O-bis (sec-Bu and isooctyl) esters, muối kẽm	113706-15-3	LC <sub>50</sub> a) Gây độc cho cá: 4.5 mg/L 96h EL <sub>50</sub> a) Gây độc cho bọ chết nước: 5.4 mg/L 48h EbC <sub>50</sub> a) gây độc cho tảo: 2.1 mg/L 96h

**KHẢ NĂNG TỒN TẠI VÀ PHÂN HỦY:** Không có dữ liệu. Dầu gốc không dễ bị phân hủy sinh học.

**KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC:** Không có dữ liệu.

**TÍNH LƯU ĐỘNG TRONG ĐẤT:** Không có dữ liệu. Dầu gốc có khả năng hấp thụ vào đất.

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ PBT VÀ VPVB:** Không có dữ liệu.

## 13. LƯU Ý KHI THẢI BỎ

**XỬ LÝ CHẤT THẢI:** Không được xả thải vào nguồn nước, đất. Không được chôn lấp. Sản phẩm thải bỏ phải được thu hồi và tái chế bởi các công ty được cấp phép theo quy định. Chất lỏng/ vật chứa được thải bỏ tuân theo luật pháp, quy định và tính chất của vật liệu tại thời điểm thải bỏ.

**CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỘNG:** Những thùng chứa rộng có thể chứa hàm lượng cực nguy hiểm. Không nên làm đầy hoặc vệ sinh containers khi chưa có qui trình hướng dẫn hợp lý. Những phuy rộng nên bảo quản an toàn cho đến khi có phương pháp tu bổ hoặc thải bỏ hợp lý. Những thùng phuy chứa rộng nên được thu hồi, tái sử dụng hoặc thải bỏ tuân theo qui định hợp pháp của pháp luật. Không được làm tăng áp, cắt, hàn, hàn gia nhiệt, mài hay lấy những thùng chứa này để gần những ngọn lửa, nhiệt, vật dễ bắt lửa, tĩnh điện, hay những nguồn đánh lửa khác; chúng có thể gây nổ tung, gây bị thương hoặc dẫn đến tử vong.

## 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

**ĐƯỜNG BỘ (ADR/RID):** Không quy định.

**ĐƯỜNG THỦY(IMDG) :** Không quy định theo IMDG-Code.

**ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG(IATA):** Không quy định.

## 15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Không nguy hiểm cho việc vận chuyển theo UN, ADR/RID, IMO và IATA/ICAO.

Tất cả các thành phần đều tuân thủ TSCA. Không bắt buộc phải dán nhãn EU.

## 16. THÔNG TIN KHÁC

### Nội dung của các thông báo nguy hiểm trong Phần 3:

H315: Gây kích ứng da.

H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

H411: Gây độc cho thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

**N/D = không xác định, N/A = Không áp dụng**

Không có lưu ý đặc biệt nào khác cho sản phẩm này.

Thông tin trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được cho là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành và chỉ liên quan đến các vấn đề được đề cập cụ thể trong tài liệu này. Mặc dù AP SAIGON PETRO JSC đã rất cẩn trọng trong việc chuẩn bị thông tin này, nhưng trong trường hợp không phát sinh bất cứ nội dung nào khác theo một hợp đồng cụ thể, không có sự trình bày, bảo hành (rõ ràng hay ngụ ý), hoặc đảm bảo phù hợp, độ chính xác, độ tin cậy hoặc tính đầy đủ của thông tin; không có gì trong tài liệu này sẽ làm giảm trách nhiệm của người dùng về việc thỏa mãn tính phù hợp, độ chính xác, độ tin cậy và tính đầy đủ của thông tin đó đối với việc sử dụng cụ thể; không có sự đảm bảo chống vi phạm sở hữu trí tuệ; và AP SAIGON PETRO JSC sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất, thiệt hại hoặc thương tích nào có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin này không đúng gây nguy hiểm tính mạng hoặc thương tích do sơ suất cá nhân. Không có tuyên bố nào được hiểu là sự chứng thực của bất kỳ sản phẩm hoặc quy trình nào. Để chắc chắn hơn, trước khi sử dụng thông tin trong tài liệu này, đặc biệt nếu sản phẩm được sử dụng cho mục đích hoặc trong các điều kiện bất thường hoặc không thể lường trước một cách hợp lý, thông tin này phải được xem xét với nhà cung cấp thông tin đó.